

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	12,700 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	11.5%	11.5%	9.8%

DT thuần	2024	778	YoY ▲ 38.0 ▲ 5.2%
		tỷ VNĐ	

LN gộp	2024	103	YoY ▲ 6.90 ▲ 6.9%
		tỷ VNĐ	

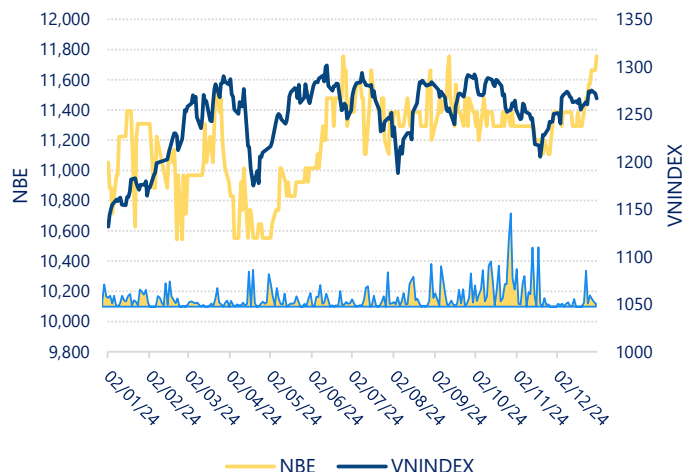
LN thuần	2024	19.1	YoY ▼ 0.10 ▼ 1.0%
		tỷ VNĐ	

LN sau thuế	2024	14.4	YoY ▼ 0.60 ▼ 3.7%
		tỷ VNĐ	

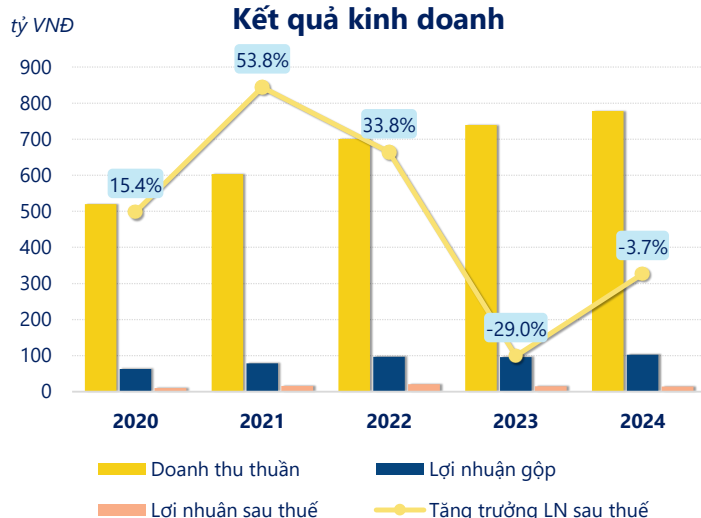
ROE	2024	14.5%	+/- YoY ▼ 1.3%
-----	------	-------	-------------------

ROA	2024	9.2%	+/- YoY ▼ 1.6%
-----	------	------	-------------------

Lịch sử giá

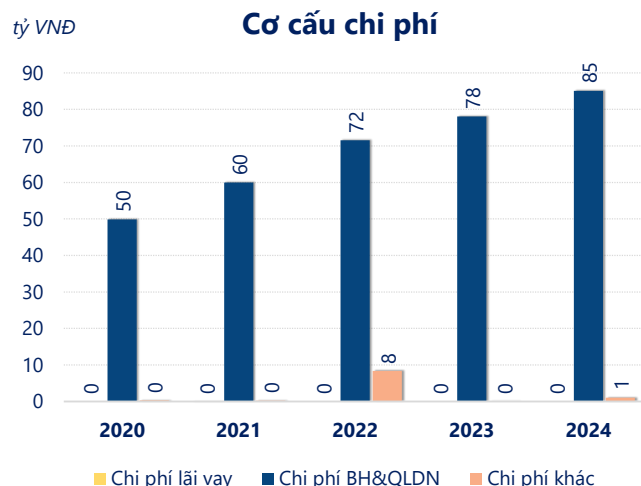
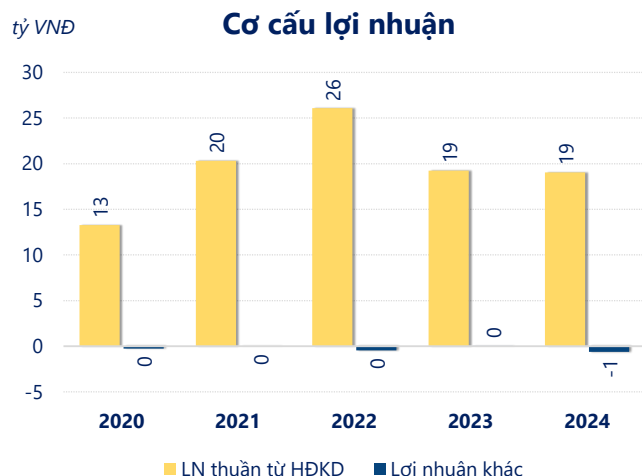


Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **NBE** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **777.9** tỷ đồng **tăng 5.16%**, lợi nhuận sau thuế đạt **14.43** tỷ đồng **giảm 3.70%**.

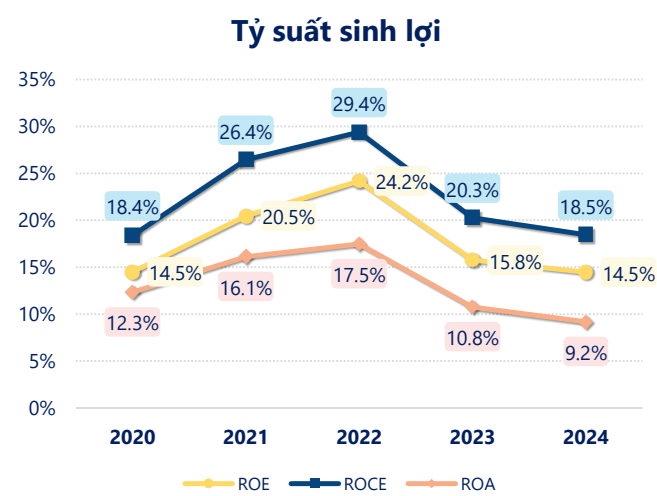
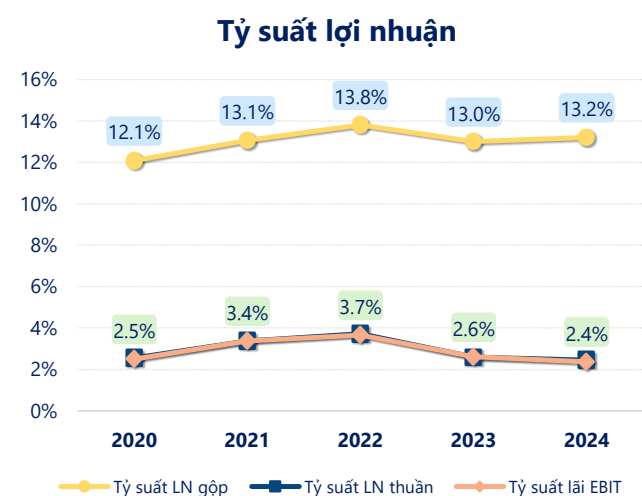
Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE** là **14.5%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.



Năm **2024**, NBE có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **19.05** tỷ đồng, **giảm đi 0.19** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (19.59 tỷ đồng) là 0.54 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **85.11** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.04** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của NBE năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **14.5%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



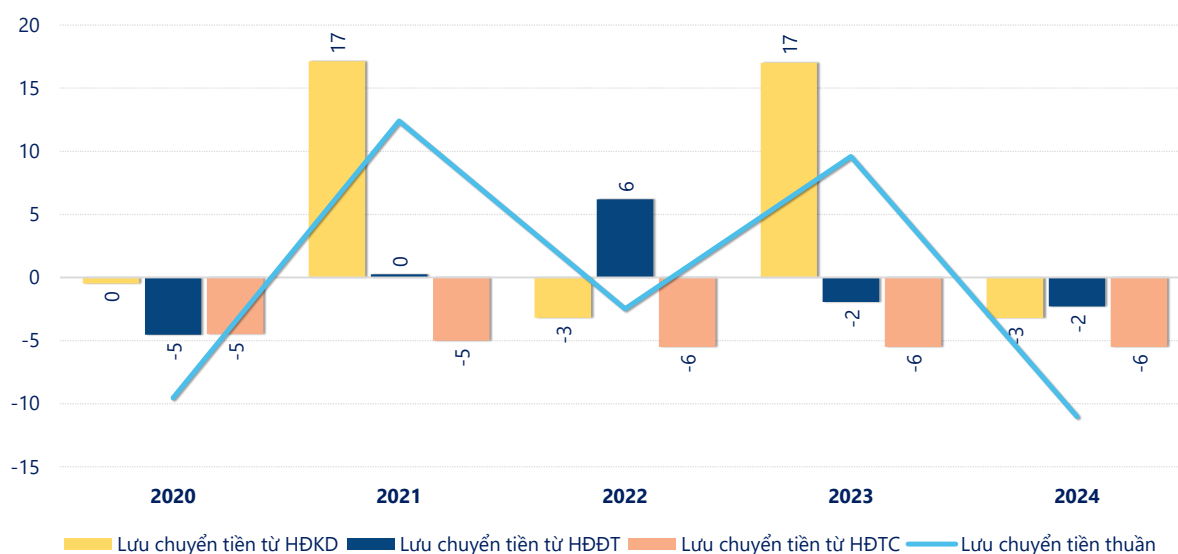
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	520	603	701	740	778
Giá vốn hàng bán	457	525	604	644	675
Lợi nhuận gộp	62.8	78.8	96.7	96.1	103
Doanh thu HĐTC	0.64	1.67	1.03	1.33	1.57
Chi phí TC	0.38	0.20	0.11	0.21	0.16
Chi phí lãi vay	0	0.06	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	28.4	37.2	46.1	49.1	48.9
Chi phí QLDN	21.4	22.7	25.5	29.0	36.2
LN thuần từ HĐKD	13.3	20.3	26.1	19.2	19.1
Lợi nhuận khác	-0.26	-0.01	-0.44	0.04	-0.63
LN trước thuế	13.0	20.3	25.6	19.3	18.4
Lợi nhuận sau thuế	10.3	15.8	21.1	15.0	14.4
LNST của CĐ cty mẹ	10.3	15.8	21.1	15.0	14.4

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của NBE bằng **-11.01** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (9.59 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-3.22** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-2.29** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-5.50** tỷ đồng.